

Số: 03 /BC-TTĐVVVLGDNN

Hải Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Phân tích thị trường lao động Quý IV năm 2024 và dự báo nhu cầu nhân lực Quý I năm 2025

Báo cáo Phân tích thị trường lao động Quý IV/2024 và dự báo nhu cầu nhân lực Quý I/2025, dựa trên nguồn số liệu tổng hợp từ kết quả thu thập thông tin người tìm việc – việc tìm người và người sử dụng lao động đăng ký tuyển dụng qua Trung tâm Dịch vụ việc làm – Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương; Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2024 tỉnh Hải Dương của Cục thống kê tỉnh Hải Dương. Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình công tác lao động, người có công và xã hội năm 2024; phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Bên cạnh những thuận lợi, còn không ít những khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như chiến tranh giữa Nga và Ukraina, những bất ổn về điều kiện thiên, đặc biệt là phải gánh chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão số 03 (siêu bão Yagi), để lại nhiều hậu quả nặng nề, ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, cùng với sự nỗ lực cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ của Tỉnh ủy, HĐND và UBND, đặc biệt việc tập trung tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được kết quả khá dự kiến có 13/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

I. KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế tỉnh Hải Dương năm 2024 ước đạt 10,2%; cao thứ 6/63 cả nước và thứ 3/11 Vùng Đồng bằng sông Hồng (sau Hải Phòng 11,01%; Hà Nam 10,93%). Tăng trưởng bứt phá mạnh mẽ trong quý IV (tăng 11,66%) nhờ hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh có nhiều khởi sắc; tăng trưởng và đóng góp vào tăng trưởng chung. Một số điểm sáng tăng trưởng trong năm 2024 như sau:

- Trong nông, lâm nghiệp và thủy sản: Trong năm 2024, chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Hải Dương phát triển khá, là động lực chủ yếu trong tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh. Đã hình thành nhiều cơ sở chăn nuôi theo mô hình công nghiệp hiện đại, trang trại quy mô lớn; chăn nuôi

khép kín áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong vận hành, quản lý đàn vật nuôi; các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất thức ăn dạng lỏng cho lợn; mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và bảo vệ môi trường.

- Trong công nghiệp: công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục là điểm sáng khi có tăng trưởng của ngành, trong đó ngành sản xuất ô tô và phụ tùng ô tô là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành chế biến chế tạo duy trì tăng trưởng cao, ổn định trong cả năm 2024.

Ngoài ra, các ngành như chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị cũng giữ tăng trưởng ổn định trong cả năm 2024.

- Hoạt động xây dựng ngoài nhu cầu sửa chữa các công trình sau bão, việc thu hút đầu tư và quyết tâm giải ngân vốn đầu tư công sẽ giúp tăng trưởng ngành xây dựng năm 2024 duy trì mức trưởng khá.

- Về dịch vụ: Tiêu dùng dân cư duy trì mức tăng khá, trong đó hoạt động thương mại ít chịu ảnh hưởng, do mưa bão không làm đứt gãy chuỗi cung ứng, hoạt động thương mại, vận tải đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng chung so với các ngành dịch vụ khác).

2. Sản xuất công nghiệp

Năm 2024, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do biến động tình hình trong nước, quốc tế và ảnh hưởng của thiên tai, nhưng với nền tảng vĩ mô ổn định, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các biện pháp đồng bộ nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu được triển khai mạnh mẽ, song song với đó là sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân trong tỉnh, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương tiếp tục phục hồi nhanh, là động lực dẫn dắt cho tăng trưởng chung toàn tỉnh. Các ngành sản xuất quan trọng như sản xuất thức ăn chăn nuôi, may mặc, sản xuất kim loại, điện, điện tử, bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ đều duy trì được mức tăng trưởng tốt.

2.1 Chỉ số sản xuất công nghiệp

Trong khu vực công nghiệp, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn và tăng trưởng cao với mức tăng 14,17% và bằng 114,2% so với cùng kỳ năm trước. Một số ngành có tỷ trọng lớn, sản lượng sản xuất tăng cao, tác động nhiều đến chỉ số chung của toàn ngành như sau

- Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử tăng 12,7%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 43,1%. Với việc thế giới đang chuyển đổi sang kỷ nguyên số, các sản phẩm điện, điện tử ngày càng được sử dụng rộng rãi; nhu cầu về các thiết bị này đã tạo động lực tăng trưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong ngành.

- Ngành sản xuất xe có động cơ (chủ yếu là sản xuất bộ phận phụ trợ) tăng 13,3%. Với sản phẩm xe có động cơ, sau những tháng đầu năm sản lượng sản xuất giảm sâu thì từ quý 3, sản lượng xe lắp ráp đã có sự phục hồi trở lại.

- Nhóm ngành dệt, may mặc lần lượt tăng 22,1% và 13,3%. Chỉ số tồn kho tại các thị trường chủ lực như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản có xu hướng giảm dần so với cùng kỳ năm trước, cộng với sức mua có xu hướng tăng đã tạo nên sự phục hồi nhu cầu đặt hàng từ các đối tác. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong ngành còn được hưởng lợi từ việc chuyển dịch đơn hàng từ các nước như Trung Quốc, Bangladesh, Myanmar sang Việt Nam.

- Ngành sản xuất kim loại tăng 18,0%. Nguyên nhân một phần là do năm 2024, Công ty CP Thép Hòa Phát đã sửa chữa xong và đưa 1 lò cao vào hoạt động trở lại. Đồng thời sức tiêu thụ các sản phẩm kim loại trên thị trường từ cuối quý II trở lại đây cũng đã được cải thiện đáng kể.

- Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm (trong đó sản phẩm chính là sản xuất thức ăn chăn nuôi) tăng 11,8%. Với việc giá nguyên liệu xuống thấp trong khi giá đầu ra ổn định, nhiều cơ sở chăn nuôi đẩy mạnh tái đàn, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thị trường dịp cuối năm đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi phát triển.

- Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,1%, trong đó điện sản xuất tăng 8,5%.

Bên cạnh đó, một số ngành gặp khó khăn do nhu cầu thị trường phục hồi chậm, sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ, làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành đó là:

- Ngành sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại (xi măng, gạch ngói), giảm 5,0%. Từ đầu năm đến nay, do ảnh hưởng của thị trường bất động sản nên nhu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng chững lại. Trong khi nguồn cung dư thừa, thị trường xuất khẩu khó khăn dẫn tới hầu hết các doanh nghiệp sản xuất xi măng, gạch, ngói trên địa bàn tỉnh phải ngừng lò, giảm công suất và cắt giảm lao động.

- Ngành khai khoáng, giảm 2,7%. Hiện nay, một số vùng khai thác đã hết hạn, một số doanh nghiệp trong ngành phải tạm ngừng hoặc chuyển sang ngành hoạt động khác.

2.2. Chỉ số sử dụng lao động

Tính chung cả năm 2024, lao động trong ngành tăng 3,2%; trong đó, một số ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày dép, điện tử, ô tô và bộ phận phụ trợ đều có số lượng lao động tăng, Cụ thể:

- Sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 3,9%;
- Dệt tăng 6,0%; sản xuất trang phục tăng 4,6%;
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 6,9%;

- Sản xuất cao su và plastic tăng 4,2%;
- Sản xuất sản phẩm điện tử tăng 3,1%;
- Sản xuất thiết bị điện tăng 5,9%;
- Sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 14,7%;
- Sản xuất xe có động cơ tăng 2,0%...

Các ngành có số lượng lao động giảm so với cùng kỳ năm trước là:

- Khai khoáng khác giảm 5,5%;
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 7,1%;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị giảm 1,16%.

3. Hoạt động phát triển doanh nghiệp

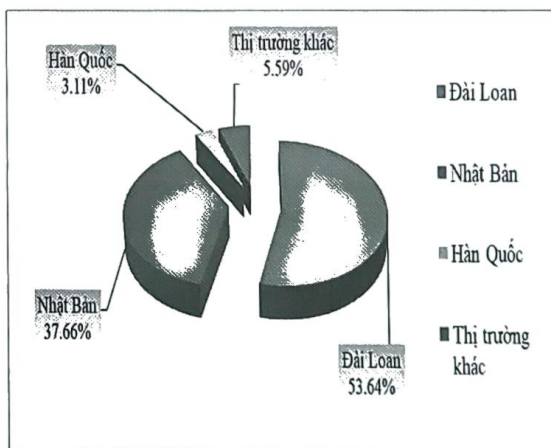
Ước cả năm 2024, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành lập mới 2.000 doanh nghiệp, tăng 6,2% so với thực hiện năm 2023; trong năm, có khoảng 750 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động và khoảng 2.030 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động.

II. HOẠT ĐỘNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Năm 2024 số lao động Hải Dương làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 8.837 người/4.500 người, đạt 196% so với chỉ tiêu kế hoạch năm. Chủ yếu tập trung vào thị trường Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc (trong đó: Đài Loan: 4.437 người, Nhật Bản: 3.328 người, Hàn Quốc: 275 người, thị trường khác: 494 người)



8.837 lao động
đi làm việc tại
nước ngoài
năm 2024



Biểu đồ: Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

III. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG QUÝ IV NĂM 2024

Quý IV năm 2024, Trung tâm DVVL-GDNN Hải Dương đã thu thập và tổng hợp số liệu từ 393 Doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng trên địa bàn tỉnh. Trong đó số lượng lao động mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng là 7.782 lao động (với 1.110 vị trí việc làm) và 3.573 lao động có nhu cầu tìm việc làm. Cụ thể như sau:

1. Nhu cầu tìm việc làm Quý IV/2024 (Cung lao động)

1.1. Lao động các địa phương có nhu cầu tìm việc làm

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo				
				TS/Ths/ ĐH	Cao đẳng	Trung cấp	CNKT	LĐPT
1	TP Hải Dương	566	377	126	43	27	23	347
2	Cẩm Giàng	419	253	27	19	37	17	319
3	Bình Giang	194	135	18	13	11	8	144
4	Chí Linh	180	118	25	15	6	11	123
5	Kinh Môn	249	153	25	21	18	17	168
6	Kim Thành	282	170	34	13	13	19	203
7	Nam Sách	308	223	26	11	11	7	253
8	Thanh Hà	324	182	26	10	12	6	270
9	Tứ Kỳ	294	212	19	18	12	12	233
10	Gia Lộc	294	224	29	14	14	12	225
11	Ninh Giang	256	181	19	19	11	10	197
12	Thanh Miện	199	141	17	7	7	6	162
13	Tỉnh ngoài	8	4	2	1	1	0	4
Tổng cộng		3.573	2.373	393	204	180	148	2.648

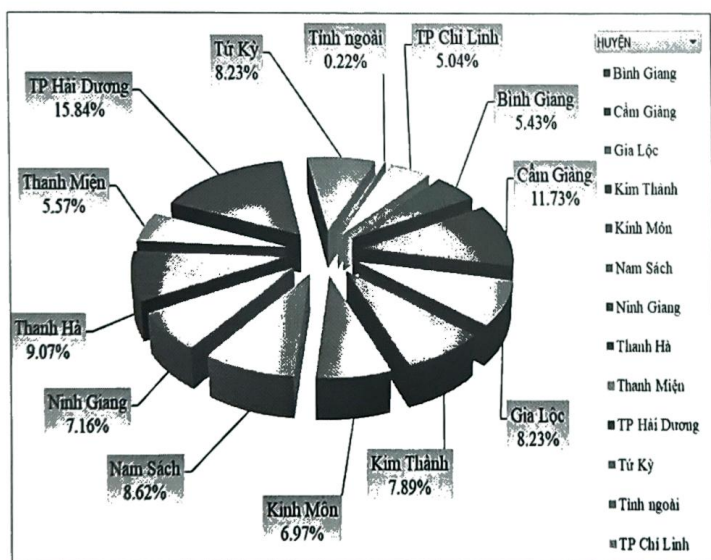
Qua số liệu tổng hợp cho thấy:

Số lao động nữ có nhu cầu tìm việc làm là 2.373 người chiếm tỉ lệ 66,41% so với tổng số lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm qua Trung tâm. Quý IV/2024 tổng số nhu cầu tìm việc làm là 3.573 người, chia theo các địa phương cụ thể như sau:

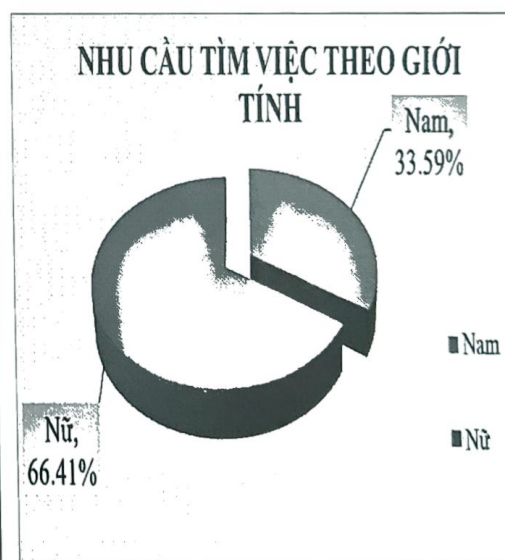
- Thành phố Hải Dương có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 566 người, chiếm 15,84%, giảm 27,4% so với Quý III/2024;
- Huyện Cẩm Giàng có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 419 người, chiếm 11,73%, tăng 12,6% so với Quý III/2024;
- Huyện Bình Giang có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 194 người, chiếm 5,43%, giảm 22,1% so với Quý III/2024;
- Thành phố Chí Linh có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 180 người, chiếm 5,04%, giảm 18,9% so với Quý III/2024;

- Thị xã Kinh Môn có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 249 người, chiếm 6,97%, giảm 9,5% so với Quý III/2024;
- Huyện Kim Thành có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 282 người, chiếm 7.89%, giảm 8.7% so với Quý III/2024;
- Huyện Nam Sách có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 308 người, chiếm 8,62%, giảm 5.8% so với Quý III/2024;
- Huyện Thanh Hà có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 324 người, chiếm 9,07%, giảm 2,1% so với Quý III/2024;
- Huyện Tứ Kỳ có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 294 người, chiếm 8,23%, giảm 25,2% so với Quý III/2024;
- Huyện Gia Lộc có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 294 người, chiếm 8,23%, giảm 16% so với Quý III/2024;
- Huyện Ninh Giang có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 256 người, chiếm 7,16%, giảm 14,4% so với Quý III/2024;
- Huyện Thanh Miện có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 199 người, chiếm 5,57%, giảm 17,8% so với Quý III/2024;
- Lao động tỉnh ngoài có tổng số lao động có nhu cầu tìm việc làm là 8 người, chiếm 0,22%;

Nhu cầu tìm việc của lao động trên địa bàn tỉnh Quý IV/2024 giảm 14,4% so với Quý III/2024; Trong đó lao động tại TP Hải Dương chiếm tỷ lệ cao nhất 15,84% tổng số người có nhu cầu tìm việc.



Biểu đồ 01: Nhu cầu tìm việc làm tại các địa phương Quý IV/2024

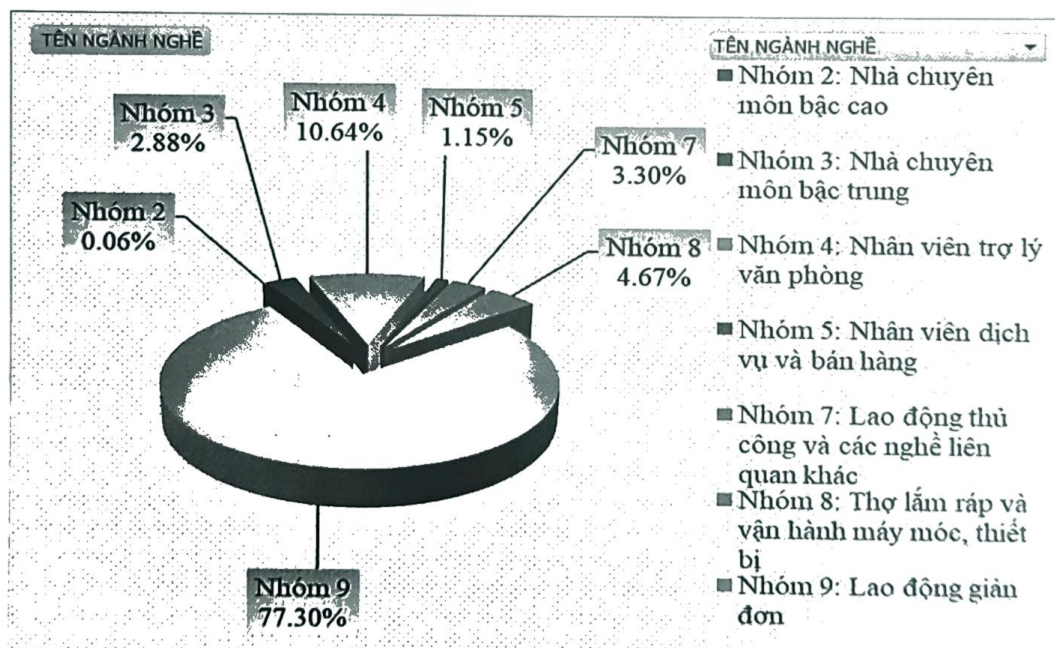


Biểu đồ 02: Nhu cầu tìm kiếm việc làm theo giới tính Quý IV/2024

1.2 Nhu cầu tìm việc theo nghề nghiệp và trình độ của người lao động

Nhóm	Nghề nghiệp	Tổng	Nữ	Trình độ đào tạo				
				TS/TS/ ĐH	CD	TC	SC/ CNKT	LĐPT
Nhóm 2	Nhóm 2: Nhà chuyên môn bậc cao	2	-	2	-	-	-	-
Nhóm 3	Nhóm 3: Nhà chuyên môn bậc trung	103	53	57	33	13	-	-
Nhóm 4	Nhóm 4: Nhân viên trợ lý văn phòng	380	272	249	81	48	2	-
Nhóm 5	Nhóm 5: Nhân viên dịch vụ và bán hàng	41	25	11	7	5	18	-
Nhóm 7	Nhóm 7: Lao động thủ công và các nghề liên quan khác	118	30	22	27	53	16	-
Nhóm 8	Nhóm 8: Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị	167	35	3	17	38	109	-
Nhóm 9	Nhóm 9: Lao động giản đơn	2.762	1.958	49	39	23	3	2.648
	Tổng cộng	3.573	2.373	393	204	180	148	2.648

a. Về nhu cầu tìm việc theo nghề nghiệp



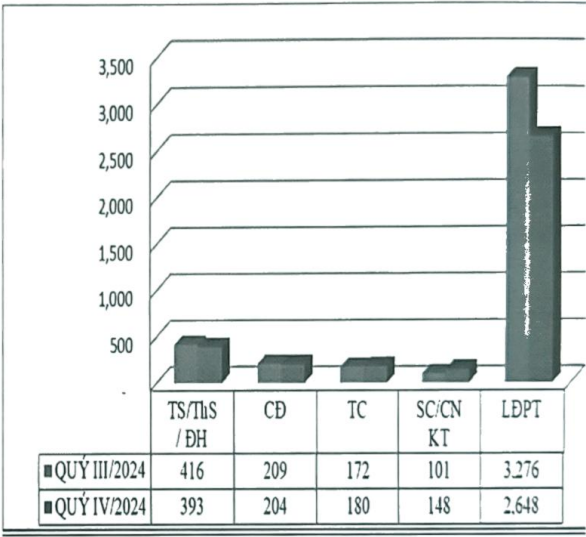
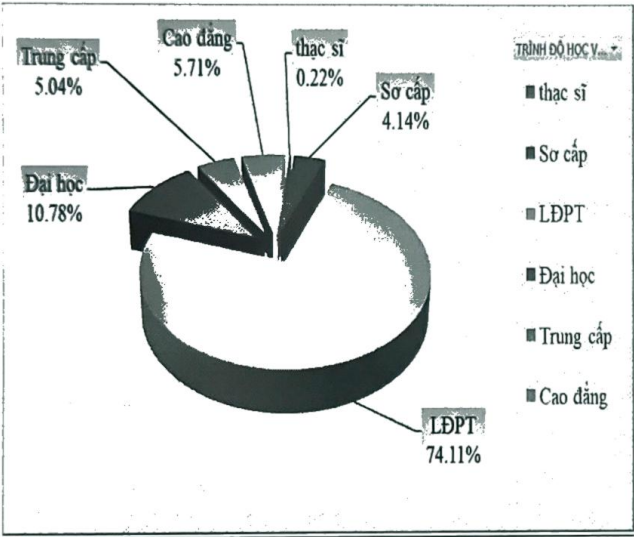
Biểu đồ 03: Nhu cầu tìm việc theo danh mục nghề nghiệp Quý IV/2024

Qua biểu đồ ta thấy:

Số lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm tập chung chủ yếu ở nhóm 9: Lao động giản đơn với 2.648 lao động chiếm tỷ lệ 77,30% số lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Cụ thể như sau:

- Nhóm 2: Nhà chuyên môn bậc cao là 2 lao động, chiếm 0,06%;
- Nhóm 3: Nhà chuyên môn bậc trung là 103 người, chiếm 2,88%;
- Nhóm 4 : Nhân viên trợ lý văn phòng là 380 người, chiếm 10,64%;
- Nhóm 5: Nhân viên dịch vụ và bán hàng là 41 người, chiếm 1,15%;
- Nhóm 7: Thợ thủ công và các nghề nghiệp có liên quan là 118 người, chiếm 3,30%;
- Nhóm 8: Thợ vận hành và lắp ráp máy móc, thiết bị là 167 người, chiếm 4,67%;

b. Về nhu cầu tìm việc theo trình độ



Biểu đồ 04: So sánh nhu cầu việc làm theo trình độ Quý IV/2024 so với Quý III/2024

Trong Quý IV/2024 nhu cầu tìm kiếm việc làm giảm so với Quý III/2024. Cụ thể như sau:

- LDPT: 2.648 người, chiếm 74,11%, giảm 19,17% so với Quý III/2024;
- Tiến sỹ/thạc sỹ/Đại học: 393 người, chiếm 11%; giảm 5,53% so với Quý III/2024 (Trong đó: có 08 lao động trình độ Thạc sỹ có nhu cầu tìm kiếm việc làm);
- Cao đẳng: 204 người, chiếm 5,71%; giảm 2,39% so với Quý III/2024;
- Trung cấp: 180 người, chiếm 5,04%; tăng 4,65% so với Quý III/2024;
- SC/CNKT: 148 người, chiếm 4,14%; tăng 46,53% so với Quý III/2024;

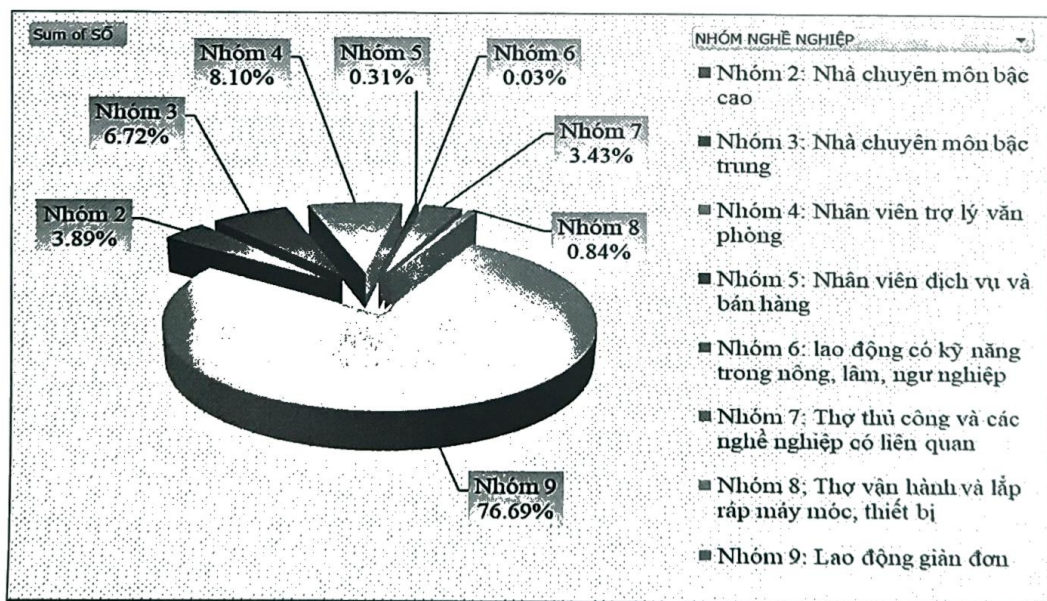
2. Nhu cầu tuyển dụng của Doanh nghiệp Quý IV/2024 (Cầu lao động)

Quý IV/2024, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp qua Trung tâm cụ thể như sau:

Nhóm	Tên ngành nghề	Tổng	Trình độ đào tạo				
			ĐH	CĐ	TC	SC/ CNKT	LĐPT
Nhóm 2	Nhà chuyên môn bậc cao	303	152	87	26	38	-
Nhóm 3	Nhà chuyên môn bậc trung	523	129	285	109	-	-
Nhóm 4	Nhân viên trợ lý văn phòng	630	117	289	151	73	-
Nhóm 5	Nhân viên dịch vụ và bán hàng	24	-	17	3	4	-
Nhóm 6	Lao động có kỹ năng trong nông, lâm, ngư nghiệp	2	2	-	-	-	-
Nhóm 7	Thợ thủ công và các nghề nghiệp có liên quan	267	3	193	28	43	-
Nhóm 8	Thợ vận hành và lắp ráp máy móc, thiết bị	65	-	14	18	33	-
Nhóm 9	Lao động giản đơn	5.968	-	-	8	64	5.896
Tổng cộng		7.782	403	885	343	255	5.896

Nhu cầu sử dụng nhân lực trong Quý IV/2024 của doanh nghiệp là 7.782 lao động, tăng 166% so với Quý III/2024.

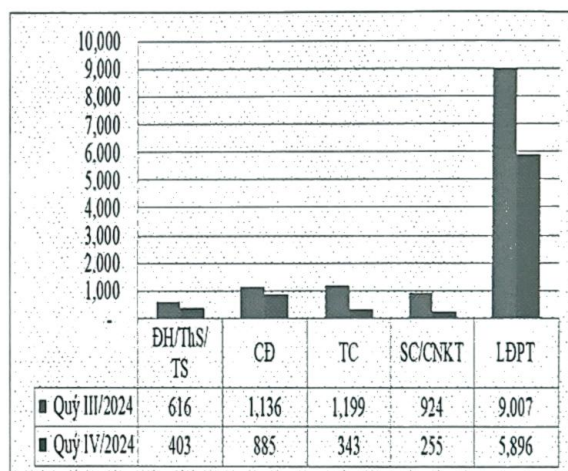
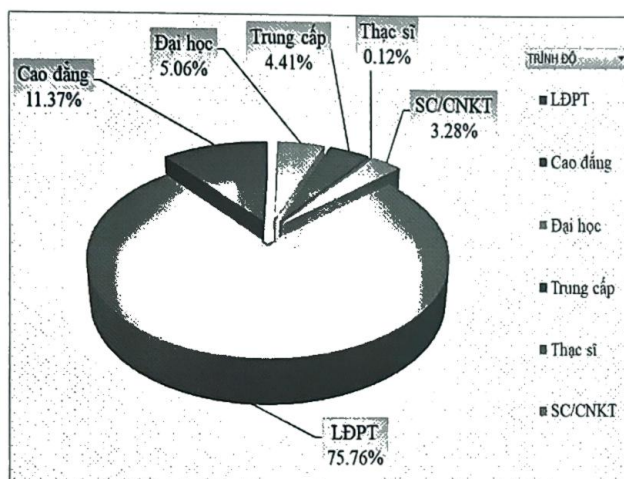
2.1 Đánh giá nhu cầu tuyển dụng lao động theo ngành nghề



Biểu đồ 05: Nhu cầu tuyển dụng lao động theo nghề nghiệp Quý IV/2024

- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 9 cao nhất với 5.968 việc làm trống chiếm tỷ lệ 76,69%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 2 với 303 việc làm trống chiếm tỷ lệ 3,89%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 3 với 523 việc làm trống chiếm tỷ lệ 6,72%
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 4 với 630 việc làm trống chiếm tỷ lệ 8,1%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 5 với 24 việc làm trống chiếm tỷ lệ 0,31%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 6 với 2 việc làm trống chiếm tỷ lệ 0,03%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 7 với 267 việc làm trống chiếm tỷ lệ 3,43%,
- Nhu cầu tuyển dụng nhóm 8 với 65 việc làm trống chiếm tỷ lệ 0.84%,

2.2 Đánh giá nhu cầu tuyển dụng theo trình độ



Biểu đồ 05: Đánh giá nhu cầu tuyển dụng theo trình độ Quý IV/2024 so với Quý III/2024

Thông qua biểu đồ trên ta thấy, nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ của DN Quý IV/2024 tập trung ở nhóm LĐPT là chủ yếu, chiếm tỉ lệ 75,76%; nhu cầu tuyển dụng ở các nhóm có trình độ TS/Ths/ĐH, CD, TC, SC/CNKT lần lượt chiếm tỉ lệ 5,06%, 11,37%, 4,41%, 3,28%;

3. Một số chỉ số áp dụng cho phân tích cung cầu lao động Quý IV/2024

- Theo công thức tính tỷ lệ lao động đã qua đào tạo:

$$\text{Tỷ lệ LĐ đang làm việc đã qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động đang làm việc trong thời kỳ quan sát đã qua đào tạo}}{\text{Tổng số lao động đang làm việc trong thời kỳ quan sát}} \times 100\%$$

Mở rộng công thức trên cho thực tế nhu cầu tuyển dụng và tìm việc tại Trung tâm DVVL-GDNN Hải Dương, ta có các chỉ tiêu sau:

$$\text{Tỷ lệ nhu cầu tuyển dụng lao động đã qua đào tạo của doanh nghiệp} = \frac{\text{Nhu cầu tuyển dụng lao động đã qua đào tạo của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp}} = \frac{1.886}{7.782} \times 100\% = 24,24\%$$

$$\text{Tỷ lệ nhu cầu tìm việc của người lao động đã qua đào tạo} = \frac{\text{Nhu cầu tìm việc của người lao động đã qua đào tạo}}{\text{Tổng số nhu cầu tìm việc của người lao động}} = \frac{925}{3.573} \times 100\% = 25,9\%$$

4. Kết nối nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu tìm việc tại Trung tâm (Cung-cầu lao động)

	Danh mục	Nhu cầu tìm việc	Nhu cầu tuyển dụng (2)	Chênh lệch
Ngành nghề	Nhóm 2	2	303	-99%
	Nhóm 3	103	523	-80%
	Nhóm 4	380	630	-40%
	Nhóm 5	41	24	71%
	Nhóm 6		2	-100%
	Nhóm 7	118	267	-56%
	Nhóm 8	167	65	157%
	Nhóm 9	2762	5.968	-54%
	Tổng	3.573	7.782	-54%
Trình độ	TS/Ths/ĐH	393	403	-2%
	CĐ	204	885	-77%
	TC	180	343	-48%
	CNKT	148	255	-42%
	LĐPT	2.648	5.896	-55%
	Tổng	3.573	7.782	-54%

Qua số liệu tổng hợp cho thấy nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp trong Quý IV/2024 nhiều hơn nhu cầu tìm việc, trong đó:

Nguồn cung lao động (3.573 người) chiếm tỉ lệ 54% so với nguồn cầu lao động (7,782 người). Có thể nhận thấy nhu cầu về lao động phổ thông trong doanh nghiệp là rất lớn, mặc dù đa số các doanh nghiệp thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi tốt để thu hút nhân lực, đặc biệt là LĐPT, tuy nhiên lượng lao động tuyển dụng được không đáp ứng được kỳ vọng.

Trong Quý IV năm 2024, Trung tâm đã giới thiệu việc làm cho 1.656 lao động chiếm 46,35% trong tổng số lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm tại trung tâm.

IV. DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC QUÝ I NĂM 2025

Đánh giá về bức tranh thị trường lao động năm 2024, Cùng với sự phục hồi tích cực của nền kinh tế, thị trường lao động đã hồi phục mạnh mẽ đặc biệt là trong những tháng cuối của quý IV/2024. Sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế dựa trên 3 trụ cột: Xuất khẩu - tiêu dùng - đầu tư, tạo động lực to lớn cho sự phục hồi của thị trường lao động Việt Nam. Trong đó, DN trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, kinh doanh bất động sản thường có nhu cầu tuyển dụng cao hơn cả. Đặc biệt, hoạt động kinh doanh bất động sản ngày càng sôi động hơn vào những tháng cuối năm, từ đó kéo theo nhu cầu tuyển dụng tăng cao ở nhóm ngành này.

Đặc biệt, lĩnh vực công nghiệp bán dẫn nổi lên như một ngôi sao sáng. Việt Nam đang trở thành thị trường tiềm năng cho các nhà sản xuất bán dẫn toàn cầu, nhờ vào chi phí lao động cạnh tranh, các ưu đãi từ Chính phủ và sự gia tăng đầu tư nước ngoài.

Nhìn chung năm 2024 có nhiều thuận lợi, thể hiện qua việc doanh nghiệp thành lập mới, số lượng việc làm tăng lên. Song thị trường lao động vẫn còn nhiều tiềm ẩn bất bình

Dự báo Quý I năm 2025. Ngoài công nghệ bán dẫn thì một số ngành nghề liên quan đến công nghệ thông tin, vận chuyển kho vận, dịch vụ thương mại...cũng dự báo phát triển tốt qua đó mang lại nhiều triển vọng về tạo việc làm cho lao động.

Bên cạnh đó, yêu cầu về kỹ năng ngoại ngữ ngày càng tăng trong tuyển dụng. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn, ngày một nhiều nhà tuyển dụng yêu cầu nhân viên thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, ngoài các kỹ năng chuyên môn.

Bên cạnh những tín hiệu tích cực, thị trường nhân lực Việt Nam dự báo vẫn đối diện nhiều thách thức. Với việc các tập đoàn công nghệ đầu tư thêm hàng tỷ

USD). Đồng vốn này đang biến Việt Nam điểm đến của nhiều DN nhờ vị trí chiến lược, nguồn nhân lực dồi dào, chi phí lao động cạnh tranh, và chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Bên cạnh đó chất lượng nguồn nhân lực vẫn tiếp tục là điểm yếu cho thị trường lao động của Việt Nam trong năm 2025. Điều này có thể dẫn đến hệ lụy nhiều ngành thiếu nhân lực trầm trọng trong khi số người thất nghiệp vẫn không giảm.

Chất lượng nguồn nhân lực, thị trường lao động đã và đang ở xu hướng phục hồi, tuy nhiên chất lượng lao động còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng cho nhu cầu lao động của một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập. Chính vì vậy, để ổn định thị trường lao động, cần tăng cường hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước vào các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh có lợi thế, tạo ra giá trị gia tăng cao, thu hút nhiều lao động. Đồng thời, tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực mũi nhọn...

Trên đây là Báo cáo phân tích thị trường lao động Quý IV năm 2024 và dự báo nhu cầu nhân lực Quý I năm 2025 của Trung tâm DVVL - GDNN Hải Dương./.

Trân trọng báo cáo! 

Nơi nhận:

- Cục việc làm (để báo cáo);
- Sở LĐTB và XH
- GD và các PGĐ Trung tâm;
- Lưu VT, DBTTTTLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Hoa